

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục dùng chung mã hăng sản xuất vật tư y tế (Đợt 1) và nguyên tắc mã hoá vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục dùng chung mã hăng sản xuất vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Đợt 1), gồm 4.515 (Bốn ngàn năm trăm mười lăm) mã, theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Danh mục dùng chung mã hăng sản xuất vật tư y tế ban hành kèm theo Quyết định này là một phần của Bộ mã danh mục dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế (phiên bản số 6) và Quyết định số 2178/QĐ-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế bổ sung Phụ lục 08 (Danh mục mã vật tư y tế) ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT.

2. Nguyên tắc mã hoá vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Điều 2. Nguyên tắc mã hoá vật tư y tế thực hiện như sau:

1. Mã vật tư y tế được mã hoá bằng các ký hiệu, theo nguyên tắc: **X.YYYY.yyy.ZZZZ.ppp**, trong đó:

a) Ký hiệu “**X**” là mã nhóm vật tư y tế theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (Sử dụng mã ở cột số (2) của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT);

Trường hợp vật tư y tế không thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế:

- Nếu vật tư y tế không có trong nhóm lớn từ Nhóm 1 đến Nhóm 9 (từ mã “N01.00.000” đến mã “N09.00.000”) của Thông tư số 04/2017/TT-BYT thì mã nhóm vật tư y tế trong trường hợp này được thể hiện là “N00.00.000”;

- Nếu vật tư y tế có trong nhóm lớn từ Nhóm 1 đến Nhóm 9 (từ mã “N01.00.000” đến mã “N09.00.000”) nhưng không có trong nhóm nhỏ của Thông tư số 04/2017/TT-BYT thì ký tự “N” trong mã nhóm vật tư y tế trong trường hợp này được thay bằng ký tự “K”.

Ví dụ: Một loại bơm tiêm mới chưa có trong danh mục của Thông tư số 04/2017/TT-BYT (Không có tên trong nhóm nhỏ từ mã “N03.01.010” đến mã “N03.01.080” thuộc nhóm lớn bơm tiêm có mã “N03.01.000”) thì bơm tiêm mới này sẽ có mã nhóm vật tư y tế là “K03.01.000”.

b) Ký hiệu “**YYYY**” là mã hãng sản xuất vật tư y tế, gồm 04 (bốn) ký tự số, do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

c) Ký hiệu “**yyy**” là mã quốc gia nơi vật tư y tế đó được sản xuất (không sử dụng mã quốc gia nơi vật tư y tế được đóng gói), gồm 03 (ba) ký tự số, sử dụng theo mã quốc gia quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

d) Ký hiệu “**ZZZZ**” là mã tiêu chí kỹ thuật chính của vật tư y tế, gồm 04 (bốn) ký tự số, bắt đầu từ số 0001 đến số 9999. Mã “ZZZZ” được cấp tự động theo nguyên tắc duy nhất, bảo đảm không trùng lặp tiêu chí kỹ thuật chính của vật tư y tế về chủng loại, chất liệu,... của vật tư y tế đối với từng hãng sản xuất.

Ví dụ: Hãng Carl Zeiss Meditec có 04 (bốn) chủng loại thủy tinh thể nhân tạo, bao gồm: CT ASPHINA 509M, CT ASPHINA 509MP, AT TORBI 709M, CT SPHERIS 203P; 04 chủng loại thủy tinh thể nhân tạo này có các tiêu chí kỹ thuật chính để phân biệt, định danh. Như vậy, sẽ có 04 mã ZZZZ khác nhau tương ứng với 04 chủng loại thủy tinh thể nêu trên. Cụ thể:

Tiêu chí chính của thủy tinh thể CT ASPHINA 509M, hãng Carl Zeiss Meditec, nước sản xuất (Đức, Pháp) là: “Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mềm một mảnh Acrylic ngâm nước 25% kết hợp bề mặt không ngâm nước, điều chỉnh cầu sai $-0.18\mu\text{m}$; đường kính optic 6mm, chiều dài 11mm”, tương ứng có một mã ZZZZ duy nhất cho thủy tinh thể CT ASPHINA 509M này. Tương tự như vậy, mỗi loại thủy tinh thể CT ASPHINA 509MP, AT TORBI 709M, CT SPHERIS 203P cũng có một mã ZZZZ tương ứng duy nhất.

đ) Ký hiệu “**ppp**” là mã chi tiết để phục vụ quản lý một sản phẩm vật tư y tế cụ thể, bảo đảm cá thể hóa theo người bệnh, gồm 03 (ba) ký tự số, từ 001 đến 999. Mã này được cấp tự động theo nguyên tắc duy nhất, bảo đảm không trùng lặp về kích thước (các kích cỡ khác nhau) của một vật tư y tế trong cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật chính (cùng chủng loại, chất liệu,...) của từng hãng sản xuất. Mã “**ppp**” chỉ quy định áp dụng đối với các vật tư được cấy ghép lên cơ thể người có trong danh mục vật tư y tế ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT.

Ví dụ: Thủy tinh thể CT ASPHINA 509M, hãng Carl Zeiss Meditec, sản xuất tại nước Đức, có các loại Diop khác nhau tương ứng với từng cá thể người bệnh, như: D: 00.0, D: + 01.0, D: + 02.0,... thì mỗi loại Diop này được cấp 01 (một) mã “**ppp**” khi đơn vị khai báo thông tin này trên Hệ thống công nghệ thông tin.

2. Mã vật tư y tế có cấu trúc “**X.YYYY.yyy.ZZZZ**” quy định tại khoản 1 Điều này được:

a) Cấp tự động trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ngay sau khi đơn vị khai báo vật tư y tế thực hiện khai báo đầy đủ, chính xác thông tin chi tiết của vật tư y tế quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Áp dụng trong đấu thầu, mua sắm vật tư y tế; đồng thời, để ánh xạ danh mục vật tư y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội, phục vụ việc trích chuyển dữ liệu điện tử;

c) Đơn vị dự thầu vật tư y tế cung cấp đầy đủ, chính xác, cụ thể thông tin chi tiết của các vật tư y tế có trong danh sách dự thầu, bao gồm cả mã vật tư y tế có cấu trúc “**X.YYYY.yyy.ZZZZ**” cho bên mời thầu khi nộp hồ sơ dự thầu và cho chủ đầu tư trước khi hai bên ký hợp đồng mua bán vật tư y tế (Nếu nhà thầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trúng thầu).

3. Mã vật tư y tế có cấu trúc “**X.YYYY.yyy.ZZZZ.ppp**” quy định tại khoản 1 Điều này được:

a) Cấp tự động trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ngay sau khi doanh nghiệp khai báo đầy đủ, chính xác thông tin chi tiết của vật tư y tế quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Áp dụng trong việc trích chuyển dữ liệu điện tử giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm xã hội sau khi vật tư y tế đã được sử dụng cho người bệnh.

4. Mã hoá đối với trường hợp vật tư y tế gồm nhiều hạng mục thuộc một “bộ” vật tư y tế thực hiện như sau:

a) Nếu đấu thầu, mua sắm theo “bộ” và có giá riêng của từng hạng mục trong “bộ”, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mã hoá vật tư y tế theo nguyên tắc sau:

- Mã hoá các hạng mục trong “bộ” theo nguyên tắc: X.YYYY_i.yyy_i.ZZZZ_i.ppp_i.i;

Trong đó:

- + “X” là mã nhóm vật tư y tế theo “bộ” trong Thông tư 04/2017/TT-BYT;
- + “YYYY_i” là mã hãng sản xuất tương ứng của hạng mục thứ 1, 2,... 99;
- + “yyy_i” là mã nước sản xuất tương ứng của hạng mục thứ 1, 2,... 99;
- + “ZZZZ_i” là mã tiêu chí kỹ thuật chính tương ứng của hạng mục thứ 1, 2,... 99;
- + “ppp_i” là mã cá thể hóa theo người bệnh tương ứng của hạng mục thứ 1, 2,... 99 (Chỉ mã hoá đối với những hạng mục vật tư y tế được cấp ghép lên cơ thể người);
- + “i” là số thứ tự của hạng mục trong “bộ”, có giá trị từ số 01 đến số 99.

Ví dụ:

Bộ khớp háng toàn phần có xi măng, gồm có 06 hạng mục:

TT	Tên vật tư	Hãng sản xuất	Nước sản xuất
1	Thân chuôi	Signature Orthopedics	Ireland
2	Chỏm khớp	Signature Orthopedics	Ireland
3	Ổ cối	Signature Orthopedics	Ireland
4	Xi măng	Teknimed SAS	Pháp
5	Súng gắn xi măng	Teknimed SAS	Pháp
6	Chấn xi măng	Teknimed SAS	Pháp

Các vật tư y tế do hãng Signature Orthopedics sản xuất tại Ireland được Bộ Y tế cấp mã 3839; các vật tư y tế do hãng Teknimed SAS sản xuất tại Pháp, được Bộ Y tế cấp mã 4108; theo Thông tư số 07/2016/TT-BCA, mã nước Ireland là 183, mã nước Pháp là 240. Khi đó, mã hóa các hạng mục trong bộ khớp háng toàn phần được thể hiện như sau:

Số TT	Tên vật tư	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mã ZZZZ	Mã ppp	Mã vật tư (Ghi nhận tại trường MA_VAT_TU trong XML3)*
1	Thân chuôi	Signature Orthopedics	Ireland	0001	001	N06.04.051.3839.183.0001.001.01
2	Chỏm khớp	Signature Orthopedics	Ireland	0003	001	N06.04.051.3839.183.0003.001.02

3	Ổ cối	Signature Orthopedics	Ireland	0001	002	N06.04.051.3839.183.0001.002.03
4	Xi măng	Teknimed SAS	Pháp	0001	005	N06.04.051.4108.240.0001.005.04
5	Súng gắn xi măng	Teknimed SAS	Pháp	0002	-	N06.04.051.4108.240.0002.05
6	Chấn xi măng	Teknimed SAS	Pháp	0007	-	N06.04.051.4108.240.0007.06

Ghi chú:

- Các hạng mục số thứ tự 5 “Súng gắn xi măng” và số thứ tự 6 “Chấn xi măng” trong ví dụ nêu trên là những vật tư y tế không cấy ghép lên cơ thể người, nên không có mã “**ppp**”;

- (*): XML3 ban hành kèm theo Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế

b) Nếu đấu thầu, mua sắm theo “bộ” và không có giá riêng của từng hạng mục trong “bộ”, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mã hoá bộ vật tư y tế theo nguyên tắc “X.YYYY.yyy.ZZZZ”, trong đó:

- “X” là mã nhóm vật tư y tế theo “bộ” trong Thông tư số 04/2017/TT-BYT;
- “YYYY” là mã đơn vị đóng gói cuối cùng của “bộ”;
- “yyy” là mã nước đóng gói cuối cùng của “bộ”;
- “ZZZZ” là mã đặc tính kỹ thuật chính của “bộ”.

Ví dụ:

Bệnh viện A đấu thầu, mua sắm bộ khớp gối cố định toàn phần, nhưng không có giá riêng của từng hạng mục trong bộ. Bộ khớp gối này được hãng Medacta International SA ở Thụy Sĩ đóng gói cuối cùng, được Bộ Y tế cấp mã 2940, mã nước Thụy Sĩ theo Thông tư số 07/2016/TT-BCA là 274; bộ khớp gối cố định toàn phần này có đặc tính kỹ thuật chính là mâm chày không đối xứng, chất liệu Cobalt-Chrome đánh bóng, được cấp tự động mã “ZZZZ” là 0001 khi đơn vị khai báo thông tin trên Hệ thống. Khi đó, bộ khớp gối cố định toàn phần này được mã hóa như sau: “**N06.04.053.2940.274.0001**”.

c) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đấu thầu, mua sắm cả “bộ” nhưng chỉ sử dụng một hoặc một số hạng mục trong “bộ” thì mã hoá hạng mục được sử dụng theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

5. Mã vật tư y tế có hiệu lực áp dụng tạm thời ngay sau khi được Hệ thống cấp tự động.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và lộ trình thực hiện.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.
2. Lộ trình thực hiện:

a) Mã vật tư y tế ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm

y tế (phiên bản số 6), Quyết định số 2178/QĐ-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế bổ sung Phụ lục 08 (Danh mục mã vật tư y tế) ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT tiếp tục được áp dụng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021;

b) Mã vật tư y tế cấp theo nguyên tắc quy định tại Quyết định này được áp dụng để thực hiện đấu thầu, mua sắm và trích chuyển dữ liệu giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

c) Khuyến khích các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan áp dụng thực hiện mã vật tư y tế được cấp theo nguyên tắc quy định tại Quyết định này để thực hiện đấu thầu, mua sắm, trích chuyển dữ liệu điện tử kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành;

d) Những vật tư y tế đấu thầu, mua sắm, sử dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 nhưng chưa có mã trong Quyết định số 7603/QĐ-BYT và Quyết định số 2178/QĐ-BYT thì tạm thời sử dụng mã nhóm vật tư y tế quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT để thực hiện trích chuyển dữ liệu điện tử giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của Vụ Trang thiết bị và công trình y tế, Bộ Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp danh sách các hãng, nước sản xuất vật tư y tế; định kỳ 03 (ba) tháng một lần gửi văn bản đến Vụ Bảo hiểm y tế để rà soát, tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ Y tế xem xét, ký ban hành;

b) Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Vụ Bảo hiểm y tế thuộc Bộ Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn trong việc cấp, quản lý tài khoản để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện khai báo thông tin trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tại Điều 2 Quyết định này;

c) Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Vụ Bảo hiểm y tế thuộc Bộ Y tế xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý danh mục dùng chung ngành y tế của Bộ Y tế để triển khai thực hiện việc khai báo, quản lý thông tin, cấp mã vật tư y tế tự động theo quy định tại Quyết định này.

2. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin, Bộ Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý danh mục dùng chung ngành y tế của Bộ Y tế để thực hiện việc khai báo, quản lý thông tin, cấp mã vật tư y tế tự động theo quy định tại Quyết định này;

b) Phối hợp với Vụ Trang thiết bị và công trình y tế, Vụ Bảo hiểm y tế thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn trong việc cấp, quản lý tài khoản để các cơ quan, đơn vị thực hiện khai báo, tạo lập, quản lý, sử dụng mã vật tư y tế trong thời gian sử dụng Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tại Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp danh sách các hãng, nước sản xuất vật tư y tế trên cơ sở đề xuất của Vụ Trang thiết bị và công trình y tế và định kỳ 03 (ba) tháng một lần trình Lãnh đạo Bộ Y tế ban hành bổ sung mã hãng sản xuất vật tư y tế;

b) Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế thuộc Bộ Y tế xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý danh mục dùng chung ngành y tế của Bộ Y tế về mã vật tư y tế.

4. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc quyền quản lý thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Hoàn thiện Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý để các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này;

c) Cập nhật, thực hiện chuyển đổi, ánh xạ mã hãng sản xuất vật tư y tế ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT và Quyết định số 2178/QĐ-BYT sang mã hãng sản xuất ban hành kèm Quyết định này;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế (Vụ Trang thiết bị và công trình y tế, Cục Công nghệ thông tin và các Vụ, Cục có liên quan của Bộ Y tế) xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn, đáp ứng việc cấp, quản lý tài khoản để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện khai báo, tạo lập, quản lý, sử dụng mã vật tư y tế trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2 Quyết định này;

đ) Thực hiện cấp tự động mã vật tư y tế tại Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định tại Quyết định này để áp dụng trích chuyển dữ liệu điện tử giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm xã hội;

e) Đồng bộ, cập nhật thường xuyên dữ liệu danh mục vật tư y tế vào tài khoản (00_BYT) của Bộ Y tế trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để phục vụ công tác quản lý, rà soát, tổng hợp, ban hành quyết định chính thức.

5. Trách nhiệm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Nghiên cứu tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Cập nhật, thực hiện chuyển đổi, ánh xạ mã hãng sản xuất vật tư y tế ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT và Quyết định số 2178/QĐ-BYT sang mã hãng sản xuất vật tư y tế ban hành kèm Quyết định này; sử dụng mã vật tư y tế được cấp tại Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định tại Quyết định này để thực hiện trích chuyển dữ liệu điện tử giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm xã hội;

c) Bổ sung giá trị của ký tự “i” vào sau mã vật tư y tế trong trường hợp sử dụng vật tư y tế gồm nhiều hạng mục thuộc một “bộ” vật tư y tế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định này trước khi trích chuyển dữ liệu điện tử lên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

d) Tự chịu trách nhiệm về việc không được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán đối với vật tư y tế khi thực hiện không đúng quy định tại Quyết định này.

6. Trách nhiệm của đơn vị khai báo vật tư y tế:

Đơn vị khai báo vật tư y tế là các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh vật tư y tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có trách nhiệm:

a) Xếp loại vật tư y tế đúng nhóm theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT; khai báo đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin trên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy trình, tài liệu hướng dẫn để được Hệ thống cấp mã vật tư y tế; tự chịu trách nhiệm khi thực hiện khai báo không đầy đủ, chính xác thông tin, không đúng quy định tại Quyết định này;

b) Trường hợp hãng sản xuất vật tư y tế chưa có mã trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định này, đơn vị khai báo vật tư y tế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan, gửi Bộ Y tế để tổng hợp, ban hành bổ sung.

7. Trường hợp văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này được thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới ban hành.

8. Trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập thì cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Y tế để được xem xét giải quyết.

Điều 5. Các Ông, Bà Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và công trình y tế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số thuộc Bộ Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ sở KCB trực thuộc Bộ Y tế;
- Các cơ sở KCB trực thuộc các Bộ, ngành;
- Các cơ sở KCB trực thuộc các Trường đại học;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân;
- Các cơ sở KCB tư nhân (nhận trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

